

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 12/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 17/12/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	28204402821	Lê Thị Lan	Anh	19/11/2004	Gia Lai	31SHT8	7.7	7.5	Đạt	
2	28204940091	Lê Thị Ngọc	Anh	13/09/2004	Quảng Trị	31TSC14	5.3	5.0	Đạt	
3	28205254631	Nguyễn Hoàng	Anh	17/11/2004	Huế	31THT14	9.0	7.8	Đạt	
4	28207103065	Nguyễn Thị Trâm	Anh	08/05/2004	Quảng Trị	31THT14	1.3	3.0	Không Đạt	
5	28208101888	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/11/2003	Đắk Lắk	31TBN13	7.3	5.8	Đạt	
6	30208040345	Trần Bùi Lan	Anh	24/10/2006	Phú Yên	31TSC14	7.3	7.5	Đạt	
7	28208034385	Trần Thị Quỳnh	Anh	30/05/2004	Đà Nẵng	31SHT8	6.0	2.5	Không Đạt	
8	28206100127	Vô Văn	Anh	05/06/2004	Quảng Trị	31THT14	9.3	7.3	Đạt	
9	28207340653	Lâm Hồng	Ánh	12/06/2004	Bình Định	31TSC14	5.7	9.0	Đạt	
10	28212335311	Trần Đình	Bảo	07/06/2004	Quảng Trị	31SHT8	9.3	6.0	Đạt	
11	28204304005	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	11/10/2004	Kon Tum	31THT14	9.0	9.5	Đạt	
12	28204347456	Nguyễn Lưu	Đan	01/12/2004	Đà Nẵng	31TSC14	7.0	7.0	Đạt	
13	28217204684	Nguyễn Văn Tuấn	Đạt	01/05/2004	Đà Nẵng	31CYC7	6.0	7.5	Đạt	
14	29208123234	Phạm Thị Thuý	Diễm	06/06/2005	Quảng Trị	31TSC13	9.7	6.3	Đạt	
15	28207353054	Nguyễn Tôn Khánh	Đoan	24/07/2004	Quảng Ngãi	31TSC14	10.0	9.8	Đạt	
16	28212305580	Nguyễn Thành	Đức	11/11/2004	Phú Yên	31THT14	9.3	7.5	Đạt	
17	28212352727	Trương Hữu	Dương	21/06/2004	Quảng Trị	31SHT8	8.3	7.5	Đạt	
18	28204720075	Vô Thị Ánh	Dương	19/03/2004	Quảng Nam	31TSC14	7.7	5.0	Đạt	
19	28204643782	Trần Thị Mỹ	Duyên	27/05/2004	Đà Nẵng	31THT14	9.3	9.5	Đạt	
20	28204639539	Bùi Trần Trúc	Hà	21/07/2004	Bình Định	31SHT8	5.3	5.0	Đạt	
21	28204138856	Lê Thị	Hằng	17/05/2004	Thanh Hoá	31SHT8	8.3	6.0	Đạt	
22	29208051245	Nguyễn Thị Thu	Hằng	11/05/2005	Đà Nẵng	31THT14	4.7	7.5	Không Đạt	
23	28204301208	Dương Thị Mỹ	Hiền	17/04/2004	Gia Lai	31TSC14	10.0	6.5	Đạt	
24	28204902804	Lê Thị Mỹ	Hiền	12/07/2004	Đắk Lắk	31SHT8	8.3	8.8	Đạt	
25	28206522075	Lê Thị Thu	Hiền	02/04/2003	Daklak	31SHT8	6.3	6.5	Đạt	
26	28204102857	Nguyễn Mỹ	Hiền	18/10/2004	Kontum	31THT14	9.0	7.5	Đạt	
27	28204951257	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	10/07/2004	Khánh Hòa	31TBN13	7.7	5.5	Đạt	
28	29208428873	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/08/2005	Quảng Nam	31THT14	9.3	7.0	Đạt	
29	28217305032	Quăng Võ Thanh	Hiếu	19/04/2004	Gia Lai	31TSC14	9.0	10.0	Đạt	
30	27212237336	Huỳnh Bá	Hiệu	22/01/2003	Đà Nẵng	31TBN5	5.3	3.5	Không Đạt	
31	28205204625	Lê Thị	Hoài	28/09/2004	Gia Lai	31THT14	7.7	5.0	Đạt	
32	28212701335	Mai Văn	Hoàng	06/07/2004	Đà Nẵng	31TSC14	5.7	3.5	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28212302243	Phạm Duy	Hoàng	12/07/2004	Quảng Ngãi	31CYC7	5.7	7.5	Đạt	
34	28208106930	Nguyễn Ánh	Hồng	19/09/2004	Quảng Trị	31SSC7	3.3	6.0	Không Đạt	
35	28212339500	Võ Văn	Hung	14/10/2004	Quảng Nam	31SHT8	9.0	9.5	Đạt	
36	28212350192	Lê Tạ Gia	Huy	23/06/2004	Quảng Ngãi	31CYC7	6.0	7.8	Đạt	
37	28212702937	Trần Văn	Huy	17/04/2004	Thừa Thiên H	31TSC14	5.3	7.3	Đạt	
38	28204102643	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	12/02/2004	Nghệ An	31THT14	10.0	7.8	Đạt	
39	28204149472	Nguyễn Thị Thu	Huyền	04/03/2004	Quảng Nam	31THT14	8.7	7.5	Đạt	
40	28217380312	Phạm Hữu	Kha	10/09/2004	Quảng Nam	31TSC14	0.0	0.0	Không Đạt	
41	28212332330	Trần	Khải	31/01/2004	Đà Nẵng	31SHT8	9.7	9.5	Đạt	
42	28217354025	Đỗ Lâm Gia	Kiệt	22/09/2004	Hồ Chí Minh	31TSC14	7.7	9.5	Đạt	
43	28204100884	Mai Thị Thủy	Kiều	11/08/2004	Gia Lai	31THT14	8.0	7.3	Đạt	
44	28204350132	Nguyễn Thị Kim	Lan	24/09/2004	Quảng Nam	31THT14	10.0	9.5	Đạt	
45	28208105491	Nguyễn Thị	Loan	23/06/2004	Quảng Nam	31TSC14	8.0	6.5	Đạt	
46	28204802961	Phạm Thị Thu	Loan	08/10/2004	Quảng Nam	31CBN8	6.0	3.0	Không Đạt	
47	29217351837	Nguyễn Trần Kim	Long	07/06/2005	Quảng Ngãi	31TSC14	7.3	5.5	Đạt	
48	28214637190	Nguyễn Hữu	Lực	24/02/2004	Đà Nẵng	31THT14	6.0	5.5	Đạt	
49	28204651620	Võ Thị Diễm	My	17/04/2004	Quảng Nam	31CYC7	7.0	5.5	Đạt	
50	27213733599	Nguyễn Hoàng Bảo	Nam	06/08/2003	Hà Tĩnh	31THT14	5.7	7.0	Đạt	
51	28207105121	Nguyễn Thị Thanh	Nga	21/01/2004	Bình Định	31TBN13	6.3	7.0	Đạt	
52	28207102016	Bùi Thị Trúc	Ngân	15/02/2004	Dak Lak	31TSC14	3.7	1.0	Không Đạt	
53	28207353801	Đặng Thị Minh	Ngân	04/11/2004	Hồ Chí Minh	31TSC14	9.3	8.8	Đạt	
54	30204448893	Bùi Kim Phương	Nghi	01/02/2006	Gia Lai	31TSC14	0.0	0.0	Không Đạt	
55	28204854756	Mai Thị Bích	Ngọc	09/05/2004	Quảng Nam	31TSC14	9.7	7.5	Đạt	
56	28207330952	Nguyễn Đình Bảo	Ngọc	06/10/2004	Khánh Hoà	31TSC14	9.3	7.8	Đạt	
57	29208163126	Trần Ngọc Thảo	Nguyên	30/03/2005	Hội An	31TSC13	8.7	6.5	Đạt	
58	28204154882	Đỗ Hoàng Phương	Nhi	30/04/2004	Quảng Nam	31THT14	8.3	9.8	Đạt	
59	28204601198	Ngô Thị Quỳnh	Nhi	28/11/2004	Đắk Lắk	31THT14	9.0	7.0	Đạt	
60	28204304938	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	17/09/2004	Quảng Nam	31SHT8	8.3	10.0	Đạt	
61	28204649924	Nguyễn Thùy Vân	Nhi	13/10/2004	Quảng Ngãi	31THT14	8.3	7.3	Đạt	
62	28207104022	Nguyễn Yến	Nhi	18/11/2004	Gia Lai	31TSC14	7.7	6.5	Đạt	
63	27217200882	Trương Hoàng Ngọc	Nhi	24/05/2003	Đắk Lắk	31SHT8	6.3	8.3	Đạt	
64	28216502376	Lê Thanh Thu	Nhung	15/10/2004	Gia Lai	31SHT8	0.0	0.0	Không Đạt	
65	28204504805	Nguyễn Thị Hằng	Ni	12/01/2004	Đak Lak	31THT14	9.0	7.8	Đạt	
66	28202701103	Trần Thị Yến	Ni	18/10/2004	Đà Nẵng	31TSC14	7.0	5.3	Đạt	
67	28206552831	Đặng Ngọc Tâm	Oanh	15/07/2004	Đà Nẵng	31CYC9	5.7	9.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28206301922	Nguyễn Thị Thanh	Phương	24/11/2004	Quảng Nam	31SHT8	7.0	6.8	Đạt	
69	28218142468	Phạm Tấn	Quang	02/01/2004	Quảng Nam	31TSC14	5.7	5.5	Đạt	
70	27203143963	Hoàng Thị Ngọc	Quyên	05/01/2003	Đaklak	31THT14	7.3	7.0	Đạt	
71	28204104002	Đỗ Như	Quỳnh	21/04/2004	Quảng Nam	31THT14	9.3	7.3	Đạt	
72	28214903826	Hà Phước	Son	19/04/2004	Quảng Bình	31SHT4	5.0	6.4	Đạt	
73	28215106406	Nguyễn Song	Tài	13/03/2004	Gia Lai	31TSC12	9.0	6.5	Đạt	
74	28219336319	Nguyễn Đức	Tâm	14/04/2004	Nghệ An	31TSC14	3.0	5.5	Không Đạt	
75	28214348318	Đỗ Trọng	Tấn	10/07/2004	Đắk Lắk	31SHT8	8.0	7.5	Đạt	
76	28205005777	Trương Thị	Thắm	02/01/2004	Quảng Trị	31SHT8	10.0	8.0	Đạt	
77	28214335505	Nguyễn Hữu	Thắng	22/04/2004	Quảng Bình	31TSC14	5.3	5.0	Đạt	
78	28214831174	Nguyễn	Thảo	24/08/2002	Quảng Trị	31THT14	8.7	6.3	Đạt	
79	28206748405	Nguyễn Hà Thanh	Thảo	19/07/2004	Quảng Nam	31THT14	9.7	7.3	Đạt	
80	28206626027	Trương Ngọc Diệu	Thịnh	25/07/2004	Đà Nẵng	31SHT8	8.3	7.0	Đạt	
81	28204331423	Nguyễn Thị Minh	Thư	07/11/2004	Quảng Trị	31TSC14	9.0	5.8	Đạt	
82	28208152382	Nguyễn Vũ Anh	Thư	20/08/2004	Kon Tum	31TSC14	8.3	5.5	Đạt	
83	28207103645	Nguyễn Phan Hiền	Thục	15/11/2004	Quảng Trị	31TBN13	5.3	3.5	Không Đạt	
84	28208151912	Trương Hồng Minh	Thương	24/07/2004	Đà Nẵng	31TSC14	9.0	6.3	Đạt	
85	28218126942	Hà Minh	Thường	02/07/2004	Bình Định	31TSC14	10.0	6.0	Đạt	
86	28204106409	Trần Thị Huyền	Trang	20/11/2004	Quảng Trị	31TSC14	8.3	8.3	Đạt	
87	28218040790	Lê Chính	Trọng	16/07/2004	Đắk Lắk	31SHT8	9.0	8.8	Đạt	
88	28214134416	Trần Quang	Trung	11/11/2004	Huế	31SHT8	9.3	9.3	Đạt	
89	28214605188	Nguyễn Văn	Trường	25/09/2004	Buôn Ma Thu	31THT14	6.7	5.8	Đạt	
90	28206632264	Nguyễn Thị	Truyền	30/10/2004	Nghệ An	31SHT8	6.0	7.3	Đạt	
91	29208155396	Lê Thị Cẩm	Tú	20/03/2005	Đà Nẵng	31TSC13	9.0	6.3	Đạt	
92	28204906593	Lê Thị Thanh	Tú	08/03/2004	Quảng Nam	31THT14	8.7	6.5	Đạt	
93	28214600994	Lê Anh	Tuấn	23/01/2004	Quảng Bình	31THT14	5.7	6.8	Đạt	
94	28205120669	Đỗ Thị Thanh	Tuyền	02/02/2004	Quảng Nam	31THT14	8.7	5.8	Đạt	
95	28208154868	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	14/12/2004	Đà Nẵng	31TSC14	8.0	6.8	Đạt	
96	28204325742	Dương Thị Thủy	Vân	22/10/2004	Quảng Bình	31THT14	6.0	7.3	Đạt	
97	28204501914	Bùi Lê Hà	Vi	18/04/2004	Bình Định	31THT14	8.3	8.3	Đạt	
98	28212300003	Lê Trọng Long	Vũ	12/08/2004	Đak Lak	31CYC9	9.0	8.8	Đạt	
99	28208780330	Huỳnh Ngọc Trường	Vy	29/08/2004	Đà Nẵng	31THT14	7.7	6.5	Đạt	
100	30206263290	Nguyễn Thị Yến	Vy	06/06/2005	Nghệ An	31SHT8	6.7	8.8	Đạt	
101	28203502912	Nguyễn Thiều	Vy	04/02/2004	Kon Tum	31THT14	9.7	6.8	Đạt	
102	28202722773	Trương Thị Như	Ý	03/11/2004	Thừa Thiên H	31TSC14	4.7	2.0	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh